

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa - Năm 2022 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh/ Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện/ UBND cấp xã, được tiếp nhận hồ sơ tại Trụ sở: Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; Ban Tiếp công dân cấp huyện; UBND cấp xã  
*(Lĩnh vực: Phòng, chống tham nhũng)*

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 09/TTr-TTT ngày 10 tháng 01 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 03 (ba) thủ tục hành chính chuẩn hóa - Năm 2022 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh/ Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện/ Ủy ban nhân dân cấp xã, được tiếp nhận hồ sơ tại Trụ sở: Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; Ban Tiếp công dân cấp huyện; UBND cấp xã (kèm theo Danh mục TTHC).


**Điều 2.** Giao trách nhiệm Thanh tra tỉnh:

Triển khai, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan việc tổ chức thực hiện thủ tục hành chính tại Quyết định này, đúng theo quy định; theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện (*trong kỳ báo cáo tình hình kết quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử*).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (*Lĩnh vực: Phòng, chống tham nhũng*).

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** 

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC - VPCP (*để b/c*);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP; các PCVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Tr. Phòng NC (*Khuyến*);
- Tr. Phòng KSTTHC;
- Lưu: VT; (*Tv.T.1*). 



**Phạm Văn Thiều**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA - NĂM 2022**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH/CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN**  
**THUỘC UBND CẤP HUYỆN/ CHỦ TỊCH UBND CẤP HUYỆN/ CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ**  
**Tiếp nhận hồ sơ tại Trụ sở: Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh/ Ban Tiếp công dân cấp huyện/ UBND cấp xã**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 282 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)*

Số TT	Mã số TTHC (Trên Cổng dịch vụ công quốc gia)	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Quy trình nội bộ	Quy trình điện tử
<b>I. LĨNH VỰC: PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (03 TTHC)</b>									
01	2.002400.000 .00.00.H04	Thủ tục Kê khai tài sản, thu nhập	Trực tiếp	Việc kê khai tài sản, thu nhập được tiến hành tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của người có nghĩa vụ phải kê khai. 1. Thời điểm hoàn thành kê khai lần đầu: - Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/3/2021 (theo hướng dẫn tại công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/2/2021 của Thanh tra Chính phủ). - Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày	Không quy định	- Giám đốc, Thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; - Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; - Chủ tịch UBND cấp huyện; - Chủ tịch UBND cấp xã.	- Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018; - Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018; - Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018; - Nghị định số		

			<p>được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác.</p> <p>2. Thời điểm hoàn thành việc kê khai bổ sung: Khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập.</p> <p>3. Thời điểm hoàn thành việc kê khai hàng năm: Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên; người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.</p> <p>4. Thời điểm hoàn thành việc kê khai phục vụ công tác cán bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác phải hoàn thành kê khai chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm</li></ul>			<p>130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p>		
--	--	--	---	--	--	---	--	--

				<p>lại, cử giữ chức vụ khác;</p> <p>- Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật PCTN 2018 việc kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.</p>					
02	2.002402.000 .00.00.H04	Thủ tục Tiếp nhận yêu cầu giải trình	Trực tiếp hoặc gửi bằng văn bản.	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám đốc, Thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;</li> <li>- Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện;</li> <li>- Chủ tịch UBND cấp huyện;</li> <li>- Chủ tịch UBND cấp xã.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018;</li> <li>- Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018;</li> <li>- Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018;</li> <li>- Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</li> </ul>		

03	2.002403.000 .00.00.H04	Thủ tục Thực hiện việc giải trình	Trực tiếp	<p>Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.</p> <p>- Trường hợp yêu cầu giải trình trực tiếp có nội dung đơn giản thì việc giải trình có thể thực hiện bằng hình thức trực tiếp nhưng phải được lập thành biên bản có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên.</p> <p>- Giải trình được thực hiện bằng ban hành văn bản giải trình.</p>	Không quy định	<p>- Giám đốc, Thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;</p> <p>- Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện;</p> <p>- Chủ tịch UBND cấp huyện;</p> <p>- Chủ tịch UBND cấp xã.</p>	<p>- Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018;</p> <p>- Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018;</p> <p>- Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018;</p> <p>- Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p>		
----	----------------------------	--	--------------	--	-------------------	--	--	--	--

**TỔNG SỐ: 03 thủ tục hành chính. Trong đó:**

- DVCTT: Một phần: 0 TTHC;
- DVCTT: Toàn trình: 0 TTHC;
- Thẩm quyền quyết định của Giám đốc, Thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh: 03 TTHC;
- Thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; CT. UBND cấp huyện; CT. UBND cấp xã : 03 TTHC;
- Thu phí + Lệ phí: không có.
- Đã xây dựng QTNB: 00 TTHC;

- + *Thẩm quyền của Giám đốc, Thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh: 00 TTHC;*
- + *Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; CT. UBND cấp huyện; CT. UBND cấp xã : 00 TTHC;*
- *Đã xây dựng QTĐT: 0 TTHC;*
- + *Thẩm quyền của Giám đốc, Thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh: 0 TTHC;*
- + *Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; CT. UBND cấp huyện; CT. UBND cấp xã : 00 TTHC;*